TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:07/2020/QĐST- HNGĐ	*N, ngày 11 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN VIỆC THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397, Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số; 08/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nuôi con chung,giữa;

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự;

1. Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ x, Phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Đặng Anh T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 12 năm 2020, bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thuận tình ly hôn và thỏa thuận được các nội dung sau;

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:*Có ba người con chung tên Đặng Thị Khánh L1, sinh ngày 26-02-2001, Đặng Phú A, sinh ngày 14-05-2002 và Đặng Thị Khánh V, sinh ngày 26-6-2010, hiện nay đã trưởng thành 2 con chung còn cháu V chưa trưởng thành.

Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T thỏa thuận giao cho bà Lê Thị K. L tiếp tục trực tiếp nuôi Đặng Thị Khánh V, sinh ngày 26-6-2010 (con chung hiện nay bà L đang nuôi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thỏa thuận ông Đặng Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T thỏa thuận bà Lê Thị Kim L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng.

- Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải ngày 03 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau;

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thỏa thuận giao cho Lê Thị Kim L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đặng Thị Khánh V, sinh ngày 26-6-2010.

- Ông Đặng Anh T không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Bà Lê Thị Kim L là người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Đặng Anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T tự nguyện thỏa thuận ông Đặng Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

- *Về thời gian cấp dưỡng*: Bà Lê Thị Kim L và ông Đặng Anh T thỏa thuận được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

- *Về lệ phí*: Bà Lê Thị Kim L tự nguyện chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng, nhưng được tính trừ vào số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Liễu đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0025385, ngày 03-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

- Bà lê Thị Kim L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

"....Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quyết định tại các Điều 6,7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đoàn Sửu